

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/DS -ST
Ngày: 21/6/2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Luyện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Môn;

2. Bà Nguyễn Thị Vượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo – là Thư ký TANDTP Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải -
Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở TAND thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 171/2017/TLST- DS ngày 24/10/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2017/QĐXX-DS ngày 23/4/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2018/QĐST - DS ngày 23/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TM Cổ phần A

Địa chỉ: số A Phan Đăng Lưu, phường 3, quận Q, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Anh Thư - Giám đốc Ngân hàng TMCP A- Chi nhánh Quận 1 – Phòng giao dịch Phạm Ngũ Lão (Văn Bản ủy quyền số 17/QĐ-DAB-PC ngày 24/02/2017); ông Nguyễn Hồng Hải, nhân viên PTKDKHCN (văn bản ủy quyền số 08/QĐ-PLO ngày 07/6/2018)- bà Thư, ông Hải đều có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Số X đường P, phường X, quận G, thành phố Hồ Chí Minh

Nơi đăng ký tạm trú: B2.2, tập thể Đ, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/3/2014 chị Lê Thị Thu H làm giấy đề nghị cấp hạn mức thấu chi (dành cho cổ đông DAB) yêu cầu Ngân hàng TM Cổ phần A (viết tắt là Ngân hàng A) cấp hạn mức thấu chi thẻ là 1000.000.000VNĐ (một tỷ đồng). Ngày 14/3/2014 Ngân hàng A và chị Lê Thị Thu H ký kết Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 096TC000016/14 B với hạn mức là 1000.000.000VNĐ, thời hạn 12 tháng (từ 14/3/2014 đến 14/3/2015), mức

lãi suất là 1,35%/tháng, lãi quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất thấu chi trong hạn, hình thức bảo đảm: Tín chấp.

Sau khi được cấp hạn mức thấu chi, chị H đã thanh toán trả Ngân hàng được số tiền gốc 1.700.178 đồng, tiền lãi 23.750.000 đồng bằng hình thức chuyển lãi cổ đông vào tài khoản thẻ. Đến ngày 14/3/2015 chị Lê Thị Thu H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ do không thanh toán đầy đủ số nợ vay còn thiếu nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngày 06/6/2017, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị H thanh toán trả số tiền còn nợ tính đến ngày 05/6/2018 là: Tiền vốn: 998.291.933VNĐ; tiền lãi 688.671.696 VNĐ. Tính đến ngày 21/6/2018, số tiền Ngân hàng yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ thanh toán là: tiền vốn: 998.291.933 VNĐ; tiền lãi 946.081.275VNĐ.

Tại bản tự khai tại Tòa án quận G, thành phố Hồ Chí Minh ngày 23/8/2017 bị đơn là chị Lê Thị Thu H trình bày: Do không có vốn và Ngân hàng chấp nhận cầm cố với giá 8000đồng/cổ phần nên chị H đồng ý trả khoản chênh lệch là 250 triệu đồng và vay 01 tỷ đồng từ Ngân hàng A cho 125.000 cổ phần. Chị H cho rằng khoản vay có cầm cố cổ phiếu, không phải vay tín chấp. Do vay có cầm cố nên Ngân hàng có quyền thanh lý hợp đồng bất cứ lúc nào nếu chị H không có khả năng chi trả nhưng Ngân hàng không thanh lý, không có hướng xử lý dẫn đến khoản nợ lên tới 1.600.000.000đồng. Do vậy nay chị H chỉ đồng ý trả 600 triệu đồng cho Ngân hàng vì hiện nay không có khả năng chi trả cho Ngân hàng.

Vụ án được thụ lý theo quyết định chuyển vụ án của Tòa án nhân dân quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi Tòa án thành phố B thụ lý vụ án theo quyết định chuyển vụ án của Tòa án quận G, Tòa án nhiều lần triệu tập chị H đến Tòa án thành phố B để lấy lời khai, có quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ yêu cầu chị H làm rõ việc các bên ký hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ có thể chấp cầm cố tài sản không nhưng chị H không đến, không cung cấp văn bản giấy tờ gì.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng không được vì bị đơn là chị Lê Thị Thu H vắng mặt không có lý do.

Ngày 23/5/2018, Tòa án mở phiên tòa nhưng do chị Lê Thị Thu H vắng mặt không có lý do nên Tòa án phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 21/6/2018, nguyên đơn là Ngân hàng A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08 ngày 17/10/2016

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Lê Thị Thu H phải trả Ngân hàng A tổng số tiền tính đến ngày 21/6/2018 là: 1.944.373.208 VNĐ, trong đó nợ gốc là 998.291.933 đồng, nợ lãi là 946.081.275VNĐ.

Chị Lê Thị Thu H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Chị Lê Thị Thu H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với chị H.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 14/3/2014, giữa Ngân hàng và chị Lê Thị Thu H ký kết hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ với hạn mức tín dụng là 1000.000.000đồng, thời hạn 12 tháng từ 14/3/2014 đến 14/3/2015. Chị H là cá nhân không có đăng ký kinh doanh. Ngày 14/3/2015 chị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả tiền gốc và tiền lãi còn thiếu cho Ngân hàng như đã cam kết theo hợp đồng, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo yêu cầu chị H thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi nhưng chị H không trả nên ngày 06/6/2017, Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết. Căn cứ Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị Thu H là cá nhân không có giấy phép đăng ký kinh doanh, vay tiền Ngân hàng theo hình thức thấu chi, nơi thực hiện hợp đồng là Ngân hàng thương mại cổ phần A – Phòng giao dịch Phạm Ngũ Lão, thành phố Hồ Chí Minh. Chị H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số X đường P, phường X, quận G, thành phố Hồ Chí Minh và có địa chỉ đăng ký tạm trú tại thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Ngày 28/6/2017, Tòa án nhân dân quận G, thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của Ngân hàng. Ngày 29/9/2017, Tòa án quận G có Quyết định chuyển vụ án số 72/2017/QĐST-DS chuyển vụ án cho Tòa án thành phố B giải quyết theo thẩm quyền do chị H có đơn yêu cầu chuyển hồ sơ vụ án về thành phố B để giải quyết theo thẩm quyền vì chị H có đăng ký tạm trú tại thành phố B, sinh sống làm việc tại Bắc Giang từ tháng 02/2017; thời điểm Ngân hàng A nộp đơn khởi kiện và Tòa án quận G thụ lý vụ án bị đơn là chị H sinh sống và đăng ký tạm trú tại thành phố B. Tại Biên bản xác minh ngày 12/01/2018 Công an phường Lê Lợi, thành phố B cung cấp chị Lê Thị Thu H có đăng ký tạm trú tại địa chỉ B2.2 tập thể Đ, phường L, thành phố B từ ngày 10/5/2017. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

[2]. Về yêu cầu đòi nợ gốc và toàn bộ nợ lãi, HĐXX thấy: Căn cứ vào Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ, giấy đề nghị cấp hạn mức thấu chi, lời khai của nguyên đơn, bản tự khai của bị đơn thì ngày 14/3/2017 chị Lê Thị Thu H làm giấy đề nghị cấp hạn mức thấu chi tài khoản thẻ yêu cầu Ngân hàng A cấp hạn mức thấu chi tài khoản thẻ là 1000.000.000đồng. Ngân hàng đã đồng ý cấp hạn mức thấu chi nêu trên cho chị H.

Ngày 14/3/2014, giữa Ngân hàng và chị H ký kết hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ với hạn mức tín dụng là 1000.000.000đồng. Theo thỏa thuận trong Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ đã ký kết thì thời hạn thấu chi là 12 tháng kể từ ngày cấp hạn mức thấu chi cho chủ thẻ 14/3/2014, lãi suất 1.35%/tháng. Đến hạn trả nợ chị H không trả hết tiền gốc, tiền lãi như đã cam kết trong hợp đồng. Như vậy chị H đã vi phạm vào Điều 2, Điều 4, điểm 5.2.4 khoản 5.2 Điều 5 của Hợp đồng. Tính đến ngày 21/6/2018 chị H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc 998.291.933 VNĐ, tiền lãi 946.081.275 VNĐ như Ngân hàng khởi kiện là đúng. Do đó cần buộc chị H phải trả Ngân hàng số tiền trên.

[3] Chị H cho rằng việc vay nợ Ngân hàng có thể chấp, cầm cố 125.000 cổ phần tại Ngân hàng A nên khi chị H không có khả năng chi trả Ngân hàng A có quyền thanh lý hợp đồng nhưng Ngân hàng đã không thanh lý dẫn đến chị H không có khả năng chi trả thì thấy: Tại Điều 3 Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ hai bên thỏa thuận hình thức bảo đảm thấu chi là “Tín chấp”, không có điều khoản, tài liệu nào thể hiện có việc thế chấp, cầm cố cổ phần hay bất cứ tài sản gì. Mặt khác, Tòa án nhiều lần triệu tập chị H đến Tòa án thành phố B để lấy lời khai, có quyết định yêu cầu cung cấp chứng yêu cầu chị làm rõ việc các bên ký hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ có thể chấp cầm cố tài sản không nhưng chị H không đến, không cung cấp văn bản giấy tờ gì. Tại điểm 5.1.5 Điều 5 của Hợp đồng các bên thỏa thuận Ngân hàng chỉ được quyền thu hồi nợ thấu chi tại tài khoản của chủ thẻ mở tại Ngân hàng từ các khoản thu nhập tại đơn vị đang công tác hay tài sản bảo đảm của chủ thẻ. Theo Bảng sao kê chi tiết phát sinh của Ngân hàng thì chị H chỉ có khoản thu nhập tại tài khoản là số tiền 23.750.000đồng tiền lãi cổ đông vào ngày 26/5/2014. Số tiền này đã chuyển trả tiền gốc thấu chi là 1.700.178 đồng và chuyển trả tiền lãi thấu chi là 22.049,822 đồng vào ngày 06/5/2014. Ngoài ra chị H không có khoản thu nhập nào phát sinh tại tài khoản thẻ tại Ngân hàng. Do vậy lời trình bày của chị H là không có căn cứ.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn là chị Lê Thị Thu H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hoàn trả Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 90; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95; khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc chị Lê Thị Thu H phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tính đến ngày 21/6/2018 là: nợ gốc: 998.291.933VNĐ; nợ lãi là 946.081.275VNĐ. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 1.944.373.208 VNĐ (Một tỷ, chín trăm bốn mươi bốn triệu, ba trăm bảy mươi ba nghìn, hai trăm linh tám đồng) theo Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 096TC000016/14 ngày 14/3/2014.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Thu H phải chịu 70.331.196 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 31.304.454 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0018903 ngày 28/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhân:

- TAND Tỉnh Bắc Giang.
- VKSND Tp B.
- CCTHADS Tp B .
- Các đ-ơng sự.
- L- u HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thị Luyện

